TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Lan Ch; Sinh năm 1966; Cư trú tại: Ấp Mỹ P, xã Tạ An Kh, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thái X; Sinh năm 1974; Cư trú tại: Ấp Mỹ P, xã Tạ An Kh, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Ch trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà và ông X kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Kh, huyện Đầm D. Sau thời gian chung sống thì không còn hạnh Pc, hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn, hai bên không hợp về cách sống, thường xuyên cãi nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn và mỗi người có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

- Về con chung: Có ba con chung tên Phạm Phương Thúy, sinh ngày 22/02/1992, Phạm Chí Cường, sinh ngày 01/01/1999 và Phạm Chí Nguyện, sinh ngày 30/11/2006, hiện các con chung Phương Thúy và Chí Cường đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, đối với Chí Nguyện có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà Ch xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

- Về nợ chung: Bà Ch xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với ông Phạm Thái X*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông X biết về yêu cầu khởi kiện của bà Ch nhưng ông X không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Lan Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Thái X đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Ch và ông X kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Ch xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp về cách sống. Đối Chếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau Cha sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng tính đến hiện tại, bà Ch xác định không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, ông X cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông, bà là thực tế có xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà Ch được ly hôn với ông X là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với cháu Phương Thúy và Chí Cường đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét là phù hợp. Đối với cháu Chí Nguyện có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông X điều này phù hợp với ý kiến của bà Ch và ông X cũng không có ý kiến phản đối. Nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và tốt nhất cho các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Phạm Chí Nguyện cho ông X nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Ch và ông X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Ch xác định tự thỏa thuận, ông X không có ý kiến nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác: Bà Ch xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lan Ch.

1.1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Lan Ch được ly hôn ông Phạm Thái X.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Chí Nguyện, sinh ngày 30/11/2006 cho bà ông Phạm Thái X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Trần Lan Ch không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Lan Ch phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013735 ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Ch cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Kh, huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc